

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HC-PT
Ngày 04/11/2019
V/v Khiếu kiện quyết định thu hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quyên

Bà Lê Thị Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLPT-HC ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định thu hồi đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HCST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Liêng Văn T, sinh năm 1939. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 206/186/35, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Số 68/33H/1 đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Sa L, Văn phòng luật sư G, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tiến D – Quyền Chủ tịch (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 215 đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Mã Khánh H, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 5C/12, đường A, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng D. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thành phố D, tỉnh Điện Biên.

Chi nhánh Cần Thơ: Khu E1, Cồn C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

2/ Trung tâm Phát triển quỹ đất A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T – Phó trưởng phòng kỹ thuật và thông tin đất đai (văn bản ủy quyền ngày 03/5/2019) (Có mặt)

Địa chỉ: Số 48-50, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

3/ Ông Liêng Thành N, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 206/104/4, đường L, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

4/ Ông Liêng Sương N1, sinh năm 1978. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 194/7C, đường P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Ông Liêng Văn T – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, người khởi kiện – Liêng Văn T trình bày:

Năm 1990, ông có mua một phần đất có diện tích 4.421m² của bà Trần Kim P và ông Lư Trí P. Sau khi ông tách đất cho 02 người cháu và 02 người con tổng cộng 1.098,2m² thì ông còn lại diện tích 3.322,8m².

Ngày 30/11/2010, Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 5549/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ đất của gia đình ông để xây dựng Nhà khách Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, trong quyết định chỉ ghi nhận phần đất của gia đình ông là 3.250,6m², thiếu 70,9m². Đến ngày 18/7/2014, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Thông báo số 744/TB-HĐBT về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, trong đó ghi nhận tiền bồi thường cho hộ gia đình ông là 2.821,1m², hộ gia đình ông Liêng Thành N 250m² và hộ gia đình ông Liêng Sương N 250m².

Hơn nữa, Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận N thu hồi đất của ông để thực hiện dự án Nhà khách Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nhưng hiện tại lại xây dựng Khách sạn M. Đây là doanh nghiệp tư nhân, theo quy định của pháp luật thì Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng D phải thỏa thuận giá bồi thường với người sử dụng đất.

Như vậy, Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ đã ghi nhận sai diện tích của đất bị thu hồi, mâu thuẫn với diện tích đất được đền bù, đồng thời thu hồi đất sai mục đích, không đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ và Thông báo số

744/TB.HĐBT ngày 18/7/2014 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/4/2017, người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ một phần Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 10/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Do tại phiên tòa sơ thẩm, Ủy ban nhân dân quận N xuất trình thêm Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 điều chỉnh Quyết định số 5549 nên ông T có yêu cầu hủy luôn Quyết định số 3110.

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phía người bị kiện trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Văn T là không có cơ sở, bởi lẽ căn cứ Điều 38 Luật đất đai năm 2003, Điều 34 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế trọng điểm, khu dân cư, phát triển kinh tế trong khu đô thị, khu dân cư nông thôn nên trường hợp của ông T là do Nhà nước thực hiện thu hồi đất. Hơn nữa, căn cứ các Điều 28, 29, 30, 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho thấy trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất của Ủy ban nhân dân quận N là đúng quy định.

Ngày 17/12/2010, Ủy ban nhân dân phường C phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất A tiến hành mời hộ ông Liêng Văn T để triển khai Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 nhưng ông T không nhận quyết định, Ủy ban nhân dân phường C đã tiến hành niêm yết quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày 18/9/2014, ông Liêng Văn T mới nộp đơn khởi kiện ra Tòa án là hết thời hiệu khởi kiện.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, người bị kiện ban hành Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 điều chỉnh Quyết định thu hồi đất của ông Liêng Văn T từ thu hồi 3.250,6m² thành 3.321,10m².

Đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất A trình bày:

Dự án Trung tâm Hội nghị thành phố là dự án thuộc diện nhà nước thu hồi đất nên không thuộc trường hợp thỏa thuận giá bồi thường. Dự án tổ hợp 05 sao M là hạng mục thành phần trong quy hoạch xây dựng Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ theo chủ trương được duyệt.

Sau khi Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010, một phần đất của ông T thuộc dự án tổ hợp 05 sao M là hạng mục thành phần trong quy hoạch xây dựng Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ. Trong quá trình bồi thường thì phía gia đình ông T có yêu cầu đo đạc lại diện tích, đồng thời tách phần đất của ông Liêng Thành N 250m² và ông Liêng Sương N 250m². Căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp ngày 18/6/2014, Hội đồng bồi thường thống nhất:

+ Điều chỉnh giảm diện tích đất của ông Liêng Văn T từ 3.250,6m² CLN xuống còn 2.282,1m².

+ Bổ sung hỗ trợ về đất cho ông Liêng Thành N là 250m² loại đất CLN và ông Liêng Sương N là 250m² loại đất CLN.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất cho 03 hộ ông Liêng Văn T, Liêng Thành N và Liêng Sương N. Đến ngày 28/01/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Quyết định số 223/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tên hộ dân nhận tiền bồi thường theo Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 11/8/2014. Cụ thể, từ hộ ông Liêng Sương N và hộ ông Liêng Thành N thành hộ ông Liêng Văn T.

Để đảm bảo về trình tự thủ tục thì Trung tâm Phát triển quỹ đất A có lập hồ sơ đề nghị Phòng tài nguyên và Môi trường quận N thực hiện thủ tục trình Ủy ban nhân dân quận N điều chỉnh lại diện tích nhưng tại thời điểm này Tòa án nhân dân quận N đã thụ lý vụ án của ông Liêng Văn T nên phải dừng lại.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến nên không rõ ý kiến.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành đối thoại nhưng không thành nên đưa ra xét xử. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HCST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân quận N đã tuyên xử như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 và Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Văn T đối với yêu cầu hủy Thông báo số 744/TB.HĐBT ngày 18/7/2014 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ và 01 phần Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 10/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có gửi bản trình bày ý kiến cho rằng các quyết định bị kiện ban hành là không đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 và Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân quận N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và người đại diện của Trung tâm Phát triển quỹ đất A cho rằng các quyết định bị kiện gồm Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 và Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân quận N ban hành là đúng trình tự,

thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo đúng trình tự thủ tục của Luật tổ tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án, việc thụ lý và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm xét xử và tuyên xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Ông Liêng Văn T kháng cáo nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của các bên; quan điểm của kiểm sát viên, nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Liêng Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 về việc thu hồi đất (gọi tắt là Quyết định số 5549). Xét đây là khiếu kiện quyết định thu hồi đất do Tòa án nhân dân quận N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 30 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Về Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân quận N về việc điều chỉnh quyết định thu hồi đất (gọi tắt là Quyết định số 3110) mặc dù được ban hành tại thời điểm Luật tổ tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực nhưng có nội dung điều chỉnh quyết định bị kiện, không làm phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án nhân dân quận N xem xét giải quyết vụ án này là phù hợp với hướng dẫn tại mục 3 phần III Giải đáp số 64/TANDTC –PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/7/2019 ông Liêng Văn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy Quyết định số 5549 vì cho rằng Ủy ban nhân dân quận N có vi phạm về thủ tục, căn cứ ban hành quyết định thu hồi đất, có sự chênh lệch về diện tích thực tế sử dụng và diện tích bị thu hồi nêu trong quyết định này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Liêng Văn T:

Xét Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số 5549 do Ủy ban nhân dân quận N ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003.

[2.2] *Về trình tự thủ tục ban hành*: Trước khi ban hành Quyết định số 5549 về việc thu hồi đất của ông T, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã tiến hành kiểm định đất, nhà, vật kiến trúc, hoa màu bị thiệt hại và xác định tính pháp lý nhà, đất bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Đến ngày 28/6/2010 Ủy ban nhân dân quận N ban hành Thông báo số 224/TB-UBND thông báo lý do thu hồi đất, diện tích, vị trí thu hồi, dự kiến về kế hoạch di chuyển, tái định cư. Ngày 30/11/2010, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 5549 là đúng trình tự thủ tục quy định tại các Điều 29, 30 và 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận N có thiếu sót trong thủ tục triển khai Quyết định số 5549. Xét thấy, việc thiếu sót này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị người bị kiện rút kinh nghiệm. Do chưa có cơ sở chứng minh ông T đã nhận được hoặc biết được Quyết định số 5549 từ năm 2010 như phía người bị kiện trình bày nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc ông T khởi kiện Quyết định số 5549 còn thời hiệu theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 là phù hợp.

[2.3] *Về nội dung*:

Quyết định số 5549 có nội dung thu hồi phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Liêng Văn T sử dụng với diện tích thực tế là 3.250,6m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Hội đồng xét xử xét thấy:

Về diện tích đất bị thu hồi:

Qua hồ sơ thể hiện, năm 1990 ông T có nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của bà Trần Kim P một phần đất có diện tích 4.410m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng ông T khai có tặng cho con cháu gồm: Phạm Liêng Tuấn K, Phạm Liêng Ngọc B (tổng cộng 600m²), Liêng Ngọc T1, Liêng Ngọc T2, Liêng Thành N, Liêng Sương N1 (mỗi người 250m²) (Bút lục số 292). Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất đối với các hộ này thể hiện ông Khanh sử dụng diện tích 299,6m², bà B sử dụng 299,7m², ông T2 sử dụng 249,9m², ông T1 sử dụng 249m². Tổng cộng diện tích đã tặng cho là 1.098,2m² (diện tích tặng cho này cũng được ông T xác định theo đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 20/8/2018) và các hộ này đã được Ủy ban nhân dân quận N ban hành quyết định thu hồi đất. Do đó, việc ông T nại ra chỉ tặng cho các cháu là 600m² phần còn lại vẫn đang sử dụng như trong đơn kháng cáo là không có căn cứ. Riêng đối với ông N, ông N1 vì ông T cho rằng những người này chỉ ở đậu trên đất và phía ông N, ông N1 cũng không có giấy tờ, chứng cứ để chứng minh việc tặng cho 01 phần đất này từ ông T nên Ủy ban nhân dân quận N không ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho hai hộ ông N, ông N1 là có cơ sở. Như vậy, tổng diện tích đất đang sử dụng còn lại của ông T là 4.419,3m² – 1.098,2m² = 3.321,1m². Tuy nhiên, Quyết định số 5549 chỉ ghi diện tích thu hồi của ông T là 3.250,6m² là chưa đúng. Do đó, ngày 31/5/2019, Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3110/QĐ-UBND điều chỉnh lại diện tích thu hồi đất của ông T theo hiện trạng sử dụng là phù hợp.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay ông T cũng thừa nhận là thống nhất với chủ trương thu hồi đất, chỉ không đồng ý về mục đích thu hồi để xây dựng khách sạn 05 sao M thay vì phải xây dựng Trung tâm hội nghị thành phố Cần Thơ như đã nêu trong quyết định thu hồi đất và về giá bồi thường. Xét thấy, tại Điều 1 Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thể hiện “*Thuận quy hoạch khu đất có diện tích khoảng 17.183,3m² để xây dựng dự án Tổ hợp khách sạn 5 sao M Cần Thơ (hạng mục thành phần trong quy hoạch xây dựng Trung tâm hội nghị thành phố Cần Thơ) theo chủ trương được duyệt*” và theo Quyết định số 2948/QĐ-UBND ngày 19/11/2008 về việc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 còn C tại mục 6.5 có thể hiện khu xây dựng các công trình phức hợp đa chức năng (khu E). Như vậy, dự án Tổ hợp khách sạn 05 sao M là hạng mục thành phần trong quy hoạch xây dựng Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP. Còn việc ông T không đồng ý về giá bồi thường xét thấy không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này. Bởi lẽ, đây là các yêu cầu đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ được xem xét trong vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 39/2019/TLST-HC ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Từ những căn cứ, phân tích như đã nêu trên, xét thấy án sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Văn T là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Liêng Văn T là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 29, 30 và 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Liêng Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2019/HCST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Văn T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5549/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 và Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liêng Văn T đối với yêu cầu hủy Thông báo số 744/TB.HĐBT ngày 18/7/2014 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Trung tâm Hội nghị thành phố Cần Thơ và 01 phần Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 10/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí: Ông Liêng Văn T được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Ông T được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002628 ngày 07/11/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 04/11/2019)./.

Nơi nhận:

- Dương sự
- TAND Q. N
- VKSND TP. Cần Thơ
- Cục THADS Q. N
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hoàng Dũng